TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 22/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư;

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Ủy ban nhân phường LP, Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST- HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: khóm LA B, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T;

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 12/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh AG ra quyết định áp dụng biện pháp xử phạt hình chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 năm 03 tháng. Đến ngày 01/5/2018, chấp hành xong.

Nhân thân: Anh, chị, em ruột: Có 2 người, bị cáo là người thứ hai;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã TC từ ngày 08/01/2019, đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Thái N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: khóm LA B, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Anh, chị, em ruột: Có 7 người, bị cáo là người thứ 7;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã TC từ ngày 08/01/2019, đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Trịnh Hoài N, sinh năm 1973; nơi cư trú: khóm LH 2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957; nơi cư trú: khóm LA B, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG (Có mặt).

Người làm chứng:

- Trịnh Hoàng Thanh T, sinh năm 2001;

Người giám hộ cho Thanh T là anh Trịnh Hoài N, sinh năm 1973; nơi cư trú: khóm LH 2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG. (Thanh T và anh Hoài N đều vắng mặt)

- Trương Hoài Minh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 27/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn TH N điều khiển xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41 của ông Nguyễn Văn B (là cha của N) đi đến nhà của bị cáo Võ Văn H thuộc khóm LA B, phường LP, thị xã TC, rủ H đi tìm tài sản lấy trộm, H đồng ý. Sau đó, bị cáo N điều khiển xe môtô chở H đi đến khu vực khóm LH 2, phường LS, thị xã TC, rồi cả 02 ghé vào trước cửa nhà người dân để uống nước. Tại đây, H nhìn thấy cửa hàng bán thuốc thú y của anh Trịnh Hoài N không có ai trông giữ và chị Trịnh Hoàng Thanh T đang nằm ngủ, nhưng cửa hàng rào không khóa, hân liền dựng xe bên lề đường, rồi ngồi trên yên xe đợi, còn H đi vào cửa hàng, nói "bán đồ", chị T thức dậy rồi đi vào phía sau nhà để gọi anh N ra bán hàng.

Trong lúc chị T đi ra phía sau nhà, H nhìn thấy điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu vàng của anh Hoài N đang để trên ghế niệm, H liền lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần, nhanh chóng đi ra ngoài, rồi lên xe môtô cho N chở đến cửa hàng bán điện thoại của anh Trương Hoài Minh T thuộc khóm LT D, phường LT, thị xã TC để bán điện thoại. Khi bán, H nói do cần tiền nên bán, nghỉ H nói thật nên anh T đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. Sau khi bán điện thoại xong, H và Thái Nhân đi đến khu vực phường NS, thành phố CĐ mua 600.000 đồng ma túy sử dụng, còn 400.000 đồng, cả 02 tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41, (đã qua sử dụng).

- 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu tím, (đã qua sử dụng).

- 01 nón kết bằng vãi, màu đen, (đã qua sử dụng).

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 74 ngày 03/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã TC, kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, dung lượng 128GB. Giá trị còn lại, trị giá: 6.000.000 đồng.

Lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Anh Trịnh Hoài N, chị Trịnh Hoàng Thanh T, ông Nguyễn Văn B, trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Anh Hoài N, yêu cầu bị cáo H và bị cáo N bồi thường lại cho anh số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B còn trình bày thêm: Nguyễn Văn Thái N là con của ông và sống cùng nhà với ông, việc N sử dụng xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41 để đi lấy trộm tài sản của người khác, ông hoàn toàn không biết. Ông xin nhận lại xe môtô trên.

Anh Trương Hoài Minh T, trình bày: Khi mua điện thoại do Võ Văn H bán, anh không biết điện thoại trên do H lấy trộm mà có. Sau khi mua điện thoại xong, anh phát hiện màn hình điện thoại nứt và bị khóa, nên anh đã bán điện thoại trên cho một người thanh niên (không biết tên và địa chỉ cụ thể), với giá 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSTC ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát thị xã TC đã truy tố bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Văn H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm s, điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thái N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589, Điều 288 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trịnh Hoài N số tiền là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng).*

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả 01 xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu tím cho ông Nguyễn Văn B.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 nón kết bằng vãi, màu đen (đã qua sử dụng), không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung đã được tóm tắt ở trên và không tự bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N bị Công an nhân dân thị xã TC khởi tố về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* xảy ra tại khóm LH 2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã TC, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của người bị hại anh Trịnh Hoài N có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng Trịnh Hoàng Thanh T và Trương Hoài Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của người bị hại và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- *Về nội dung:*

[1] Hành vi phạm tội:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 27/11/2018, bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu vàng của anh Hoài N. Sau khi lấy trộm các bị cáo đã bán lại điện thoại trên cho anh Trương Hoài Minh T với giá 1.000.000 đồng. Sau khi bán điện thoại xong, H và Thái Nhân đi đến khu vực phường NS, thành phố CĐ mua 600.000 đồng ma túy sử dụng, còn 400.000 đồng, cả 02 tiêu xài hết nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện.

[2] Đồng phạm:

Các bị cáo Võ Văn H và Nguyễn Văn Thái N là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có sự cấu kết và phân công vai trò của từng bị cáo. Trong đó, tuy bị cáo N là người rủ bị cáo H đi tìm tài sản để trộm nhưng bị cáo Võ Văn H là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi phạm tội của các bị cáo là liều lĩnh, nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo là

người nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Võ Văn H có một tiền sự. Ngày 15/5/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh AG ra quyết định áp dụng biện pháp xử phạt hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 năm 03 tháng. Đến ngày 01/5/2018 chấp hành xong. Ngoài ra vào ngày 22/6/2015 bị cáo H bị Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đến ngày 22/6/2016, chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó khi quyết định hình phạt HĐXX có xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H và điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính nguy hiểm cao cho xã hội, cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo có khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trịnh Hoài N số tiền là 6.000.000đ *(sáu triệu đồng)*.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe môtô, nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu tím của ông Nguyễn Văn B mà bị cáo N lấy làm phương tiện phạm tội nhưng ông B hoàn toàn không biết nên áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho ông Nguyễn Văn B.

- Đối với 01 nón kết bằng vãi, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo H, không còn giá trị sử dụng nên áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí DSST.

(Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Văn H** và bị cáo **Nguyễn Văn Thái N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Văn H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/01/2019.

Áp dụng: khoản 1, Điều 173; điểm s, điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thái N 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589, Điều 288 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trịnh Hoài N số tiền là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)*.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Giao trả 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, màu đen, biển kiểm soát 67D1-097.41; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu tím cho ông Nguyễn Văn B.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 nón kết bằng vãi, màu đen (đã qua sử dụng).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng.*

Bị cáo Võ Văn H và bị cáo Nguyễn Văn Thái N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí DSST.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo Võ Văn H, bị cáo Nguyễn Văn Thái N, bị hại anh Trịnh Hoài N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh AG.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thị xã TC (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TXTC (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Ngọc Lan